

Bản án số: 12/2022/HS-ST  
Ngày 18 - 4 - 2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁT XÁT - TỈNH LÀO CAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thu Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Vũ Thị Thúy Bình

2. Bà Phàng Thị Cờ

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Quý Sửu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoài Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12/2022/TLST-HS ngày 07 tháng 4 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST- HS ngày 07 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị T** - Sinh ngày 18/12/1998 tại huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn A, xã D, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu P - Sinh năm 1976 và bà Dương Thị T - Sinh năm 1977; Bị cáo chưa có chồng; Bị cáo có 01 con sinh năm 2018; Tiền án: Không; Tiền sự: 01 Tiền sự. Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 240/QĐ-XPVPHC ngày 31/12/2020 của Đoàn Biên phòng cửa khẩu quốc tế Lào Cai đã xử phạt Nguyễn Thị T số tiền 3.000.000 đồng về hành vi “Qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định”.

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/02/2022. “Có mặt”.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 15 giờ 00 phút (giờ Bắc Kinh) ngày 10/02/2022, Đại đội quản lý biên giới Hà Khẩu, Trung Quốc trao trả cho Đoàn biên phòng Cửa khẩu Quốc tế Lào Cai 05 công dân Việt Nam nhập cảnh trái phép, gồm: Sùng Thị C - Sinh năm 1995, nơi cư trú: Xã Bảo Nhai, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai; Vàng Mùi S - Sinh năm

1992, nơi cư trú: Thị trấn Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai; Lương Thị L- Sinh ngày 21/10/2005, nơi cư trú: Bản Co Pháy, xã Mường Đăng, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên; Cao Thị C - Sinh năm 1969, nơi cư trú: Khu 4, xã Hùng Lô, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ và Nguyễn Thị T - Sinh năm 1998, nơi cư trú: Thôn 4, xã Đồng Khê, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái.

Quá trình điều tra, xác minh đã xác định: Do có nhu cầu sang Trung Quốc làm thuê kiếm tiền nên khoảng 07 giờ 00 phút ngày 28/01/2021, Nguyễn Thị T bắt xe khách từ nhà đi lên thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Khi đến bên xe trung tâm Lào Cai, T gọi một xe taxi (Không nhớ biển kiểm soát), trên đường đi, T nói chuyện với lái xe có nhu cầu sang Trung Quốc, người lái xe đã cho T số điện thoại của một người đàn ông lái đò. T đã liên lạc với người này thì được thông báo giá đón và đưa từ thành phố Lào Cai sang thị trấn Hà Khẩu, Trung Quốc là 1.500 Nhân dân tệ, khi xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc thành công thì thanh toán tiền và có thể đi ngay trong ngày 28/01/2021. Người đàn ông lái đò này hẹn T khi nào ra đến đầu cầu Cốc Lều thuộc phường Cốc Lều, thành phố Lào Cai thì điện thoại để anh ta cho người ra đón đưa T sang Trung Quốc. Khoảng 12 giờ 00 phút cùng ngày, T đến khu vực cầu Cốc Lều thì gọi điện cho người đàn ông lái đò này, sau đó có một người đàn ông lái chiếc taxi (Không nhớ biển kiểm soát) đến đón và đưa T đi ăn và mua sắm đồ dùng cá nhân. Khoảng 18 giờ 00 phút cùng ngày, người lái xe taxi đưa T từ thành phố Lào Cai theo đường tỉnh lộ 156B vào huyện Bát Xát, khi đi đến thôn An Quang, xã Quang Kim, huyện Bát Xát thì dừng xe ở ven đường, lúc này có một người đàn ông đeo khẩu trang đi bộ đến đón và dẫn T đi qua đồi xuống bờ sông Hồng, đến chân đồi người đàn ông này lấy một chiếc thang và 01 chiếc sấm mang theo. Xuống gần đến bờ sông, người này bơm chiếc sấm ô tô, đồng thời yêu cầu T xóa hết số điện thoại, nhật ký liên lạc. Khi chiếc sấm được bơm đầy hơi, T ngồi lên, người đàn ông này cầm thang và đẩy T qua sông Hồng sang Trung Quốc, do không có tiền Trung Quốc nên T trả cho người đàn ông này 6.000.000 đồng. Sau đó, người đàn ông này bắc thang để T leo lên đường, sau đó T gọi taxi chờ đến thị trấn Hà Khẩu. Quá trình ở Hà Khẩu, Trung Quốc, T buôn bán kinh doanh cùng vợ chồng Ngô Văn Huy người Trung Quốc, đến ngày 26/10/2021 thì T bị Công an Trung Quốc phát hiện bắt giữ, ngày 10/02/2022 được trao trả về Việt Nam qua Cửa khẩu Quốc tế Lào Cai. Ngoài ra, trước đó, ngày 20/10/2020, T có hành vi xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc qua khu vực biên giới huyện Bát Xát (T không nhớ rõ địa điểm), đi đò sang Trung Quốc, khi vừa sang đến bờ sông phía Trung Quốc thì bị Công an Trung Quốc phát hiện bắt giữ. Ngày 18/12/2020, T được trao trả về Việt Nam qua Cửa khẩu Quốc tế Lào Cai. Ngày 31/12/2020, T bị Đoàn biên phòng Cửa khẩu Quốc tế Lào Cai ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 240 về hành vi “Qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất cảnh” theo quy định tại điểm a khoản 3, điều 17, Nghị định 167/2013 với mức phạt 03 triệu đồng. Ngày 08/01/2021, T đã chấp hành xong.

Cáo trạng số 18/CT-VKS-P1 ngày 06/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội “Vi phạm quy định về xuất cảnh” theo Điều 347 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai ủy quyền cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai thực hành quyền công tố tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát giữ quyền công tố, luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội danh theo bản cáo trạng đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 347; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Vi phạm quy định về xuất cảnh”, xử phạt bị cáo số tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với luận tội của Đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng hình phạt là phạt tiền như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát để bị cáo có cơ hội sửa chữa và chăm sóc con nhỏ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Đoàn biên phòng Cửa khẩu Quốc tế Lào Cai. Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lào Cai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và hình phạt: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra. Bị cáo Nguyễn Thị T là người có năng lực trách nhiệm hình sự, hiểu biết xã hội và pháp luật, nhận thức được việc xuất cảnh trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vì không tuân thủ pháp luật nên ngày 28/01/2021, Nguyễn Thị T đã có hành vi xuất cảnh trái phép qua khu vực biên giới thôn An Quang, xã Quang Kim, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai sang Trung Quốc, sau đó đến ngày 10/02/2022, Nguyễn Thị T bị Công an Trung Quốc phát hiện bắt giữ và trao trả về Việt Nam. Trước đó, Nguyễn Thị T đã bị Đoàn Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế Lào Cai xử phạt hành chính về hành vi “Qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định”. Do chưa được xóa tiền sự nên lần xuất cảnh trái phép này của Nguyễn Thị T đã cấu thành tội “Vi phạm quy định về xuất cảnh” theo quy định tại Điều 347 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai đã truy tố bị cáo về tội “Vi phạm quy định về xuất cảnh” theo quy định tại Điều 347 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hành vi xuất cảnh mà không có giấy tờ hợp pháp của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, cư trú ở Việt Nam. Vì vậy cần phải xét xử một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra để răn đe, giáo dục bị cáo.

[3] Về nhân thân và hoàn cảnh phạm tội của bị cáo: Bị cáo là người có nhân thân tốt, do trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế lại là người dân tộc thiểu số nên bị cáo chưa nhận thức đầy đủ hành vi phạm tội do mình gây ra, bị cáo xuất cảnh trái phép nhằm mục đích đi làm thuê kiếm tiền, bị cáo không có chồng và có một con nhỏ sinh năm 2018 hiện nay đang sống cùng bị cáo. Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội và hoàn cảnh, điều kiện của bị cáo Nguyễn Thị T thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo, qua đó thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước và pháp luật nhưng cũng đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa và giáo dục bị cáo, cho bị cáo có cơ hội để làm sửa chữa sai lầm, làm lại cuộc đời.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị T đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình; bị cáo có ông bà nội là ông Nguyễn Văn Nhớ và bà Hà Thị Mẫn đã có thời gian tham gia dân công hỏa tuyến, được hưởng chế độ theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Vì vậy cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về các vấn đề khác liên quan trong vụ án:

Đối với người đàn ông lái đò và người lái xe taxi đã tổ chức cho Nguyễn Thị T xuất cảnh trái phép, do Nguyễn Thị T không biết tên tuổi, địa chỉ của những người này ở đâu, không nhớ biển số xe taxi; điện thoại sử dụng vào việc liên lạc đề xuất cảnh trái phép đã bị Công an Trung Quốc thu giữ không trao trả lại cho Nguyễn Thị T, hiện Nguyễn Thị T không nhớ số thuê bao điện thoại của mình nên Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lào Cai không chứng minh làm rõ được.

Đối với Sùng Thị C - Sinh năm 1995, nơi cư trú: Xã Bảo Nhai, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai; Vàng Mùi S - Sinh năm 1992, nơi cư trú: Thị trấn Tăng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai; Lương Thị L - Sinh ngày 21/10/2005, nơi cư trú: Bản Co Pháy, xã Mường Đăng, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên; Cao Thị Ch - Sinh năm 1969, nơi cư trú: Khu 4, xã Hùng Lô, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ là những người có hành vi xuất cảnh trái phép được Đại đội quản lý biên giới Hà Khẩu, Trung Quốc trao trả về Việt Nam cùng với Nguyễn Thị T ngày 10/02/2022. Đoàn biên phòng Cửa khẩu Quốc tế Lào Cai đã xác minh làm rõ, các đối tượng này đều chưa có tiền án, tiền sự. Đối với Cao Thị C, Đoàn biên phòng đã xử lý hành chính 3.000.000 đồng; đối với Lương Thị Ldo chưa đủ 18 tuổi nên đã xử lý hành chính 1.500.000 đồng; đối với Sùng Thị C và Vàng Mùi Sánh hết thời hiệu xử lý hành chính. Việc xử lý đối với hành vi của những đối tượng trên của Đoàn biên phòng Cửa khẩu Quốc tế Lào Cai là đúng quy định.

[7] Đối với ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát: Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T số tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước xét thấy là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

[8] Về ý kiến của bị cáo Nguyễn Thị T: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng hình phạt là phạt tiền để bị cáo có cơ hội sửa chữa và chăm sóc con nhỏ. Nguyên vọng của bị cáo phù hợp với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

[9] Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **1. Về trách nhiệm hình sự, hình phạt:**

Căn cứ vào Điều 347; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Vi phạm quy định về xuất cảnh”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 10.000.000 (Mười triệu) đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

#### **2. Về án phí:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh; VKSND tỉnh;
- Phòng PV 06 - Công an tỉnh;
- Sở tư pháp;
- VKSND huyện; Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Cơ quan THAHS CA huyện;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thu Trang**